

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH - TRỤ SỞ CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - TRỤ SỞ CHÍNH**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.219.264.828.387</b>	<b>3.596.834.591.882</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19.207.428.717</b>	<b>40.849.301.067</b>
1. Tiền	111		18.707.428.717	24.349.301.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	16.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.732.366.700</b>	<b>4.708.925.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.893.028.550	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>717.265.940.252</b>	<b>950.596.151.623</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	557.620.676.278	844.479.257.453
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	14.331.649.832	12.400.783.908
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		141.101.298.987	83.623.045.583
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	10.956.371.231	14.717.139.316
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.744.056.076)	(4.624.074.637)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.287.454.290.209</b>	<b>2.596.723.449.708</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.287.454.290.209	2.596.723.449.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>192.604.802.509</b>	<b>3.956.764.384</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.735.782.872	306.216.770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174.833.428.254	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	4.891.121.060	363.070.807
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.144.470.323	3.287.476.807

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>915.103.228.075</b>	<b>609.778.146.247</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>689.398.717.164</b>	<b>370.574.325.989</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	689.398.717.164	370.574.325.989
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.363.473.842</b>	<b>66.896.017.457</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	29.427.907.883	43.325.951.516
<i>Nguyên giá</i>	222		45.969.990.509	59.937.032.404
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.542.082.626)	(16.611.080.888)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.640.878.012	6.810.523.361
<i>Nguyên giá</i>	228		7.821.692.743	7.821.692.743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.180.814.731)	(1.011.169.382)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	10.294.687.947	16.759.542.580
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.14	<b>1.374.519.985</b>	<b>1.559.848.525</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.034.751.015)	(849.422.475)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>172.746.812.310</b>	<b>167.524.789.630</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	114.370.000.000	114.370.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	16.635.910.000	16.635.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	53.460.000.000	36.760.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(11.719.097.690)	(241.120.370)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.219.704.774</b>	<b>3.223.164.646</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	4.225.449.234	1.445.817.030
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.20	176.960.700	912.150.791
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	817.294.840	865.196.825
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6.134.368.056.462</b>	<b>4.206.612.738.129</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.022.412.597.795</b>	<b>3.026.154.090.594</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.500.654.007.610</b>	<b>2.941.228.459.678</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	552.489.277.914	234.157.673.006
2. Phải trả người bán	312	V.23	2.638.396.420.502	1.380.315.537.311
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	339.682.050.806	295.107.662.398
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	26.391.879.480	45.849.375.698
5. Phải trả người lao động	315	V.26	1.627.116.773	4.337.267.876
6. Chi phí phải trả	316	V.27	701.781.538.199	746.125.522.666
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	240.941.868.704	233.993.816.571
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	328.099.969	349.860.579
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	(984.244.737)	991.743.573
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>521.758.590.185</b>	<b>84.925.630.916</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		154.989.000	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	518.924.751.921	81.325.587.643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	2.678.849.264	3.600.043.273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.111.955.458.667</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.33	<b>1.111.955.458.667</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.640.739.814	4.640.739.814
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.331.589.757	28.331.589.757
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.537.934.890	13.537.934.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		63.604.070.366	132.107.259.234
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6.134.368.056.462</b>	<b>4.206.612.738.129</b>

# CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - TRỤ SỞ CHÍNH

CHỈ TIÊU	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	14.224.277	14.224.277
5. Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)		-
Euro (EUR)		-
Dollar Singapore (SGD)		-
Yên Nhật (¥)		-
Dollar Úc (AUD)		-
Bảng Anh (£)		-
Dollar Canada (CAD)		-


Dự toán chi sự nghiệp, dự án

V.59



Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2015



Ly Thị Bình  
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27 Lối Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH - TRỤ SỞ CHÍNH**

Quý 4 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH - TRỤ SỞ CHÍNH**

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	827.874.343.417	1.238.421.222.705	1.808.619.575.009	2.008.042.231.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.713.240.486	186.876.858.355	213.327.483.151	385.509.727.313
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	821.161.102.931	1.051.544.364.350	1.595.292.091.858	1.622.532.504.241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	648.359.265.398	836.126.658.780	1.352.038.822.179	1.338.970.583.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		172.801.837.533	215.417.705.570	243.253.269.679	283.561.920.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	536.930.858	1.498.571.889	10.076.339.725	7.328.261.091
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.943.135.203	15.258.905.302	66.861.087.727	41.197.295.368
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		21.471.613.732	6.982.223.098	43.613.503.582	30.920.404.889
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.774.319.254	32.631.812.469	48.097.119.105	67.369.333.776
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.014.169.708	8.701.552.399	26.259.524.821	32.736.995.530
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.607.144.226	160.324.007.289	112.111.877.751	149.586.557.051
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.537.925.907	14.038.060.527	17.932.703.324	23.640.105.547
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.345.629.815	2.709.429.325	15.639.034.848	3.340.808.326
13. Lợi nhuận khác	40		1.192.296.092	11.328.631.202	2.293.668.476	20.299.297.221
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.799.440.318	171.652.638.491	114.405.546.227	169.885.854.272
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.35	31.050.412.445	41.663.727.139	33.288.246.034	42.541.480.957
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	735.190.091	(499.712.847)	735.190.091	(499.712.847)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>80.013.837.782</u>	<u>130.488.624.199</u>	<u>80.382.110.102</u>	<u>127.844.086.162</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				

Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2015



Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng




Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ - TRỤ SỞ CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - TRỤ SỞ CHÍNH****(Theo phương pháp trực tiếp)****NĂM 2014**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.526.867.390.538	1.764.987.536.270
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.211.705.972.763)	(690.085.785.110)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.679.326.381)	(39.772.206.987)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(43.581.959.002)	(29.505.725.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(42.807.088.017)	(19.559.035.752)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		680.827.976.058	119.605.223.278
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(341.545.597.259)	(554.631.936.064)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>533.375.423.174</b>	<b>551.038.070.302</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.300.000.000)	(4.014.815.482)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.516.213.150	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.000.000.000)	(5.525.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		300.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		776.702.111	1.343.510.751
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.707.084.739)</b>	<b>(8.196.304.731)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50.082.498.265	33.946.820.682
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(589.285.679.050)	(571.111.983.367)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(107.030.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(539.310.210.785)</b>	<b>(537.165.162.685)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(21.641.872.350)</b>	<b>5.676.602.886</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>40.849.301.067</b>	<b>35.172.698.181</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>19.207.428.717</b>	<b>40.849.301.067</b>

Người lập biểu  
Huỳnh Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng  
Lý Thị Bình

Tổng Giám đốc  
Đoàn Văn Thuận



Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

**4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Văn phòng Công ty có 270 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 371 nhân viên).

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ Công ty có nhận chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất bê tông từ Công ty cổ phần và phát triển đô thị. Việc chuyển nhượng bao gồm mua tài sản và nhận toàn bộ nhân viên của bộ phận này phục vụ cho hoạt động sản xuất bê tông của Chi nhánh Công ty kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xi nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước.

Ngoài ra, Công ty còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương từ Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (Becamex ITC) để triển khai đầu tư dự án Unitown giai đoạn 3 từ năm 2014 đến 2018 và dự án TDC Dragon Hill. Giá trị chuyển nhượng đã hoàn thuận là 5.220.708.600.000 VND.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

### **6. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **11. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

#### ***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

#### ***Chi phí khác***

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Văn phòng Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Văn phòng Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Văn phòng Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Văn phòng Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

#### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **17. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Văn phòng Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.080 VND/USD  
31/12/2014 : 21.405 VND/USD

### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **21. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

#### **22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2014****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.314.409.711	3.030.494.227
Tiền gửi ngân hàng	17.393.019.006	21.318.806.840
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>19.207.428.717</u></b>	<b><u>40.849.301.067</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)			190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)			6	60.000
<b>Cộng</b>		<b><u>4.893.028.550</u></b>		<b><u>8.095.770.935</u></b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
Trích lập dự phòng bổ sung	(737.224.800)	
Hoàn nhập dự phòng	1.963.408.785	(1.575.190.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(2.160.661.850)</u></b>	<b><u>(3.386.845.835)</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	190.359.481.572	216.262.139.714
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	367.261.194.706	628.217.117.739
<b>Cộng</b>	<b><u>557.620.676.278</u></b>	<b><u>844.479.257.453</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	8.257.233.264	12.400.783.908
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	5.729.117.568	-
Trả trước các nhà cung cấp khác	345.299.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.331.649.832</u></b>	<b><u>12.400.783.908</u></b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.290.227.184	7.229.777.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	413.690.802	2.094.941.506
Cổ tức phải thu	5.307.824.265	3.046.653.015
Phải thu tiền ứng vốn hoạt động	649.003.039	649.003.039
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu		616.809.261
Các khoản phải thu khác	2.295.625.941	1.079.955.085
<b>Cộng</b>	<b><u>10.956.371.231</u></b>	<b><u>14.717.139.316</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	776.966.082	953.775.295
Công cụ dụng cụ	1.327.272	759.287.877
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.796.125.882.327	2.042.193.390.269
Thành phẩm	0	3.239.371.522
Hàng hóa	490.550.114.528	549.577.624.745
<b>Cộng</b>	<b><u>4.287.454.290.209</u></b>	<b><u>2.596.723.449.708</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	234.410.636	272.286.097
Chi phí khác	3.501.372.236	33.930.673
<b>Cộng</b>	<b><u>3.735.782.872</u></b>	<b><u>306.216.770</u></b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho nhân viên.

**10. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	<b>33.330.665.027</b>	<b>8.878.815.417</b>	<b>16.687.528.840</b>	<b>956.762.035</b>	<b>83.261.085</b>	<b>59.937.032.404</b>
Mua sắm mới	5.580.113.762	18.111.743.685	45.641.472.521	104.984.600		69.438.314.568
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	3.730.248.177			3.730.248.177
Thanh lý, nhượng bán	5.183.290.697		4.518.961.177	64.252.000		9.766.503.874
Giảm do điều chuyển nội bộ	5.845.074.825	23.193.306.067	48.330.719.874			77.369.100.766
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.882.413.267</b>	<b>3.797.253.035</b>	<b>13.209.568.487</b>	<b>997.494.635</b>	<b>83.261.085</b>	<b>45.969.990.509</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	<b>5.762.210.045</b>	<b>2.176.785.847</b>	<b>7.832.851.046</b>	<b>755.972.865</b>	<b>83.261.085</b>	<b>16.611.080.888</b>
Khấu hao trong kỳ	3.199.402.830	600.837.552	1.999.774.311	95.405.211		5.895.419.904
Tăng do điều chuyển nội bộ	-		1.927.513.120			1.927.513.120
Thanh lý, nhượng bán	1.042.404.015		2.387.595.694	32.126.010		3.462.125.719
Giảm do điều chuyển nội bộ	92.633.012	1.322.673.349	3.014.499.206			4.429.805.567
Giảm khác						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.826.575.848</b>	<b>1.454.950.050</b>	<b>6.358.043.577</b>	<b>819.252.066</b>	<b>83.261.085</b>	<b>16.542.082.626</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	27.568.454.982	6.702.029.570	8.854.677.794	200.789.170		43.325.951.516
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.055.837.419</b>	<b>2.342.302.985</b>	<b>6.851.524.910</b>	<b>178.242.569</b>		<b>29.427.907.883</b>

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.629.372.000</b>	<b>192.320.743</b>	<b>7.821.692.743</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	851.946.540	159.222.842	1.011.169.382
Khấu hao trong kỳ	152.587.440	17.057.909	169.645.349
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.004.533.980</b>	<b>176.280.751</b>	<b>1.180.814.731</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.777.425.460	33.097.901	6.810.523.361
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.624.838.020</b>	<b>16.039.992</b>	<b>6.640.878.012</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	14.553.428.818	67.903.155.806	73.798.147.806	8.658.436.818
XDCB dở dang	2.206.113.762	1.636.251.129	2.206.113.762	1.636.251.129
<b>Cộng</b>	<b>16.759.542.580</b>	<b>69.539.406.935</b>	<b>76.004.261.568</b>	<b>10.294.687.947</b>

**14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	2.409.271.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.409.271.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	849.422.475
Khấu hao trong kỳ	185.328.540
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.034.751.015</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.559.848.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.374.519.985</b>

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

**15. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân <sup>(i)</sup>	3.600.000	36.000.000.000	3.600.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt <sup>(ii)</sup>	1.401.685	11.050.000.000	1.105.000	11.050.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex <sup>(iii)</sup>	1.566.000	15.660.000.000	1.566.000	15.660.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex <sup>(iv)</sup>	4.860.000	51.660.000.000	4.860.000	51.660.000.000
<b>Cộng</b>		<b>114.370.000.000</b>		<b>114.370.000.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 14.016.850.000 VND, tương đương 77,07% vốn điều lệ. Trong sáu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

tháng đầu năm 2014 Công ty nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận bằng cổ phiếu - số tiền là 2.966.850.000 VND tương ứng 296.685 cổ phiếu. Sự kiện này làm cho số cổ phiếu đầu tư của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt tăng từ 1.105.000 cổ phiếu lên 1.401.685 cổ phiếu.

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet <sup>(i)</sup>		2.235.910.000		2.235.910.000
Trường Đại học quốc tế Miền Đông <sup>(ii)</sup>		14.400.000.000	-	14.400.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.635.910.000</b>		<b>16.635.910.000</b>

- (i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	30.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam <sup>(i)</sup>	-	-	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>53.460.000.000</b>		<b>36.760.000.000</b>

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(11.477.977.320)	-
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư dài hạn khác	(241.120.370)	(241.120.370)
<b>Cộng</b>	<b>(11.719.097.690)</b>	<b>(241.120.370)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
		phát sinh trong năm		
Công cụ, dụng cụ	307.371.314	582.680.611	822.293.663	67.758.262
Chi phí thuê văn phòng	187.904.080	142.264.454	187.904.080	142.264.454
Chi phí phát hành trái phiếu		4.072.727.273	67.878.787	4.004.848.486
Chi phí khác	950.541.636	200.000.000	1.139.963.604	10.578.032
<b>Cộng</b>	<b>1.445.817.030</b>	<b>4.997.672.338</b>	<b>2.218.040.134</b>	<b>4.225.449.234</b>

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**21. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ dài hạn.

**22. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	449.005.712.171	203.860.852.324
- Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	43.559.216.300	30.296.820.682
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	59.924.349.443	
<b>Cộng</b>	<b><u>552.489.277.914</u></b>	<b><u>234.157.673.006</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng (xem thuyết minh số V.7).

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng và nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 04 phương tiện vận chuyển.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****23. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	2.498.511.907.283	1.250.913.153.015
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	137.739.600.815	127.001.874.112
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.144.912.404	2.400.510.184
<b>Cộng</b>	<b><u>2.638.396.420.502</u></b>	<b><u>1.380.315.537.311</u></b>

**24. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	257.148.566.011	235.144.707.145
Các khoản người mua trả tiền trước khác	82.533.484.795	59.962.955.253
<b>Cộng</b>	<b><u>339.682.050.806</u></b>	<b><u>295.107.662.398</u></b>

**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.782.297.690	74.890.252.880	86.516.569.523	(844.018.953)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		53.455.148	53.455.148	0
Thuế Nhập khẩu		25.454.833	25.454.833	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.024.605.532	33.288.246.034	45.822.770.061	22.490.081.505
Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	41.807.969	50.925.884		92.733.853
Thuế thu nhập cá nhân	(363.070.807)	795.592.012	670.559.190	(238.037.985)
Thuế nhà đất		930.741.408	930.741.408	0
Thuế môn bài		10.000.000	10.000.000	0
Các loại thuế khác	664.507	12.127.118.900	12.127.783.407	0
<b>Cộng</b>	<b><u>45.486.304.891</u></b>	<b><u>122.171.787.099</u></b>	<b><u>146.157.333.570</u></b>	<b><u>21.500.758.420</u></b>

Các loại Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

***Thuế giá trị gia tăng***

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Tổng số	Bất động sản	Thương mại
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	114.405.546.227	153.821.605.028	(39.416.058.801)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.648.761.496	655.008.209	993.753.287
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Thu nhập chịu thuế	116.054.307.723	154.476.613.237	(38.422.305.514)
Thu nhập được miễn thuế	8.173.506.600	3.166.403.994	5.007.102.606
Thu nhập tính thuế	107.880.801.123	151.310.209.243	(43.429.408.120)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>33.288.246.034</b>	<b>33.288.246.034</b>	

**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Văn phòng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**Các loại thuế khác**

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**26. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả.

**27. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	419.601.696	1.680.627.979
Trích trước chi phí công trình	684.157.391.453	732.238.681.083
Lãi cổ tức trả chậm	17.204.545.050	9.080.794.800
Trích trước chi phí hoa hồng	3.125.418.804	3.125.418.804
<b>Cộng</b>	<b><u>701.781.538.199</u></b>	<b><u>746.125.522.666</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VẮN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	381.716.611	244.875.609
Cổ tức phải trả	200.503.365.392	200.440.137.192
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex		
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	27.124.671.144	24.831.684.749
Nhận ký quỹ môi giới		-
Tiền mua cổ phần		3.010.245.948
Tiền rút thăm trúng thưởng		
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	5.740.602.000	50.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	489.826.389	859.678.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.701.687.168	2.557.194.448
<b>Cộng</b>	<b><u>240.941.868.704</u></b>	<b><u>233.993.816.571</u></b>

**29. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	349.860.579	7.016.625.444
Tăng do trích lập trong kỳ	245.811.412	428.843.195
Số đã sử dụng		(1.002.230.553)
Hoàn nhập trong kỳ	267.572.022	(5.950.971.947)
Giảm do thanh lý hợp đồng		(142.405.560)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>328.099.969</u></b>	<b><u>349.860.579</u></b>

**30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	229.554.971	6.287.971.885		9.016.663.280	(2.499.136.424)
Quỹ phúc lợi	381.040.639	1.397.327.085	969.537.000	1.568.511.000	1.179.393.724
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành					335.497.963
	381.147.963	1.217.260.000		1.262.910.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>991.743.573</u></b>	<b><u>8.902.558.970</u></b>	<b><u>969.537.000</u></b>	<b><u>11.848.084.280</u></b>	<b><u>(984.244.737)</u></b>

**31. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	68.924.751.921	77.777.587.643
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	50.000.000.000	3.548.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phát hành trái phiếu <sup>(iii)</sup>	<u>400.000.000.000</u>	
<b>Cộng</b>	<u><b>518.924.751.921</b></u>	<u><b>81.325.587.643</b></u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn1). Khoản vay này được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận QSDĐ trị giá 556.668.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương để mua sắm lại dự án Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là 68.056.528.388 VND.

(iii) Trái phiếu phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Becamex IDC.

- Ngày phát hành: 27/12/2014

- Ngày đáo hạn: 27/12/2019

- Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm

- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần

- Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (6 tháng/lần) và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.

- Tài sản Bảo đảm: là 16 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m<sup>2</sup> quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công Nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Chủ sở hữu là Tổng Công ty đầu tư và Phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên (Becamex IDC).

### 32. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

### 33. Vốn chủ sở hữu

#### ***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### ***Cổ tức***

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 139.938.563.800 VND (cùng kỳ năm trước là 48.945.095.960 VND).

#### ***Cổ phiếu***

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	<b>1.808.619.575.009</b>	<b>2.008.042.231.554</b>
- <i>Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	<i>528.781.569.771</i>	<i>450.747.949.817</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.727.972.456</i>	<i>7.645.638.034</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản, thi công</i>	<i>1.059.870.144.974</i>	<i>1.547.983.564.168</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.912.404.657</i>	<i>1.665.079.535</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	<b>(213.327.483.151)</b>	<b>(385.509.727.313)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.595.292.091.858</u></b>	<b><u>1.622.532.504.241</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	<i>528.781.569.771</i>	<i>450.747.949.817</i>
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>4.727.972.456</i>	<i>7.645.638.034</i>
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản, thi công</i>	<i>1.059.870.144.974</i>	<i>1.547.983.564.168</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.912.404.657</i>	<i>1.665.079.535</i>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	<b>515.549.584.004</b>	<b>433.997.635.202</b>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup>	<b>4.585.845.061</b>	<b>6.798.288.362</b>
Giá vốn kinh doanh bất động sản, thi công	<b>830.810.776.459</b>	<b>895.563.899.391</b>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<b>1.092.616.655</b>	<b>2.610.760.652</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.352.038.822.179</u></b>	<b><u>1.338.970.583.607</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VẮN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	343.477.903	454.245.511
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	214.850.596	173.732.839
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.411.125.248	4.225.910.651
Lãi bán hàng trả chậm	753.895.361	1.063.867.994
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	1.002.233.289
Doanh thu hoạt động tài chính khác	352.990.617	408.270.807
<b>Cộng</b>	<b>10.076.339.725</b>	<b>7.328.261.091</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	43.613.503.582	32.601.032.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.109.463.442	359.390.625
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.226.183.985)	(888.474.925)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	11.477.977.320	
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	686.441.385	
Chi phí lãi trả chậm cổ tức	8.123.750.250	9.080.794.800
Chi phí phát hành trái phiếu	67.878.787	
Chi phí khác	8.256.946	44.552.000
<b>Cộng</b>	<b>66.861.087.727</b>	<b>41.197.295.368</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	15.842.375.752	20.965.614.757
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	601.912.096	1.533.662.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.625.840.688	3.467.395.167
Chi phí hoa hồng môi giới	4.226.447.252	13.140.473.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.736.595.047	8.822.998.588
Chi phí khác	17.063.948.270	19.439.189.559
<b>Cộng</b>	<b>48.097.119.105</b>	<b>67.369.333.776</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	10.784.202.517	14.804.438.716
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	926.875.939	638.916.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.608.839.303	2.394.926.522
Chi phí dự phòng	2.119.981.439	352.894.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.213.926	1.900.674.955

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VẮN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí khác	<u>7.948.411.697</u>	<u>12.645.144.058</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>26.259.524.821</u></b>	<b><u>32.736.995.530</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	<u>8.490.099.131</u>	<u>3.916.318.154</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	<u>258.385.115</u>	<u>5.950.971.947</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	<u>9.163.417.656</u>	<u>12.831.634.376</u>
Thu nhập khác	<u>20.801.422</u>	<u>941.181.070</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>17.932.703.324</u></b>	<b><u>23.640.105.547</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	<u>12.670.325.155</u>	<u>1.273.051.293</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng		<u>852.381.716</u>
Chi phí khác	<u>2.968.709.693</u>	<u>1.215.375.317</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>15.639.034.848</u></b>	<b><u>3.340.808.326</u></b>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	<u>4.163.362.187</u>	<u>12.865.250.917</u>
Chi phí nhân công	<u>27.408.803.909</u>	<u>37.186.727.493</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	<u>6.250.393.793</u>	<u>5.927.816.317</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	<u>8.888.310.072</u>	<u>13.914.301.106</u>
Chi phí khác	<u>32.368.902.232</u>	<u>46.555.587.050</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>79.079.772.193</u></b>	<b><u>116.449.682.883</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG- VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 (tiếp theo)**

---

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 - Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác :
- 2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :
- 3 - Thông tin về các bên liên quan :
- 4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận theo quy định CMKT số 28 :
- 5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong BCTC của các niên độ kế toán trước):
- 6 - Thông tin về hoạt động liên tục :
- 7 - Những thông tin khác :

Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2015



Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: 26-27 lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	144.060.569.072	1.192.411.957.373
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	127.844.086.162	127.844.086.162
Lợi nhuận trong năm các cn trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9.797.396.000)	(9.797.396.000)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
Nhiều chênh theo kiểm toán năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Hỗn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	132.107.259.234	1.180.458.647.535
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>-</b>	<b>28.331.589.757</b>	<b>13.537.934.890</b>	<b>132.107.259.234</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	80.382.110.102	80.382.110.102
Lợi nhuận năm trước các cn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm nay các cn	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(8.885.298.970)	(8.885.298.970)
Chia cổ tức năm kỳ này	-	-	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>-</b>	<b>28.331.589.757</b>	<b>13.537.934.890</b>	<b>63.604.070.366</b>	<b>1.111.955.458.667</b>

Huyền Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc